

# APEC.AUDIT

Bạn đồng hành tin cậy

## CÔNG TY KIỂM TOÁN APEC

Địa chỉ: Số 10/12, Ngõ 68, đường Xuân Thủy, Q. Cầu Giấy,

Hà Nội \* Tel: (04) 6 281 8138 \* Fax: (04) 6 281 8139

Website: <http://www.apec-audit.com.vn>

**CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính 2011*

---

HÀ NỘI, THÁNG 6 NĂM 2012



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán	4 – 5
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1008/QĐ - HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1816000013 ngày 01 tháng 07 năm 2005 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi ba lần Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi trụ sở giao dịch đồng thời thay đổi Mã số chi nhánh thành 2600357502-003.

### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Trồng cây nguyên liệu giấy;
- Thu mua nguyên liệu giấy; gỗ Công nghiệp khác; đại lý giới thiệu sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, vật tư, máy móc thiết bị thi công) đường bộ, đường thủy, đường sắt;
- Bốc xếp hàng hóa (nguyên nhiên liệu, phế thải);
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy (phương tiện vận tải).

Địa chỉ: Phố Phú Hà, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ

Tel: 0210. 3 713 941 Fax: 0210. 3 713 964

### **Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2011 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### ***Ban Giám đốc***

- Ông Trịnh Quốc Long
- Ông Nguyễn Xuân Lợi

#### ***Chức vụ***

- Giám đốc
- Phó Giám đốc

### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APEC.

### **Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban Giám đốc ngoài sự kiện nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

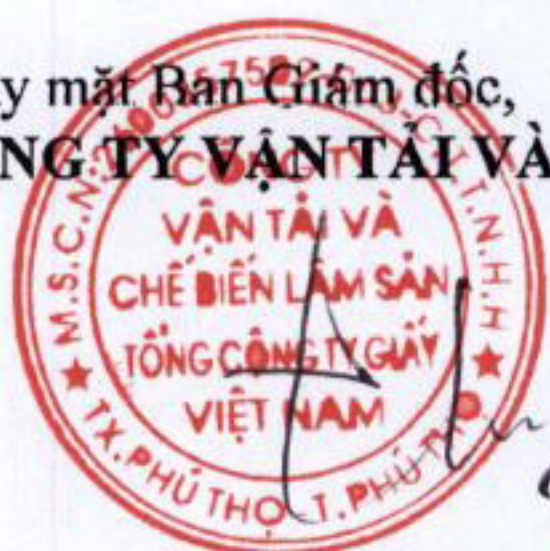
Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,  
**CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**



**GIÁM ĐỐC**  
*Trịnh Quốc Long*

**Trịnh Quốc Long**  
Giám đốc  
Phú Thọ, ngày 21 tháng 3 năm 2012

Số: 137 -2012/BCKT-TC/APEC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011**  
**của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản**

**Kính gửi :**     **Hội đồng thành viên và Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Giấy Việt Nam**  
**Ban Giám đốc Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán APEC đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Phần IV của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty Giấy Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản cho năm tài chính 2011:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt. Công ty Vận tải và Chế Biến Lâm Sản giữ ba (03) bản, Công ty TNHH Kiểm toán APEC giữ một (01) bản.



---

**Dương Đình Ngọc**  
Phó Giám đốc  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1699 /KTV*

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN APEC**

Hà Nội, ngày tháng năm 2012

---

**Đào Thị Thúy Hà**  
Kiểm toán viên  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1785 /KTV*



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>7.325.022.261</b>	<b>7.887.641.373</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.164.840.774</b>	<b>947.869.449</b>
1 Tiền	111	V.1.	964.435.741	414.523.638
2 Các khoản tương đương tiền	112	V.2.	3.200.405.033	533.345.811
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.790.156.167</b>	<b>6.392.412.093</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	VII.2.1	1.280.591.818	1.199.542.440
3 Phải thu nội bộ	133	VII.2.2	818.820.199	1.043.778.981
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	721.344.225	4.179.690.747
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(30.600.075)	(30.600.075)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>275.526.820</b>	<b>502.957.993</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	275.526.820	502.957.993
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>94.498.500</b>	<b>44.401.838</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.722.500	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	11.090.838
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.3	55.776.000	33.311.000
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>8.306.347.803</b>	<b>7.094.667.386</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.306.347.803</b>	<b>7.088.465.575</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	8.306.347.803	7.088.465.575
- Nguyên giá	222		13.195.987.996	9.151.581.876
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.889.640.193)	(2.063.116.301)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	-	-
- Nguyên giá	228		10.000.000	10.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.000.000)	(10.000.000)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>6.201.811</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	6.201.811
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>15.631.370.064</b>	<b>14.982.308.759</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>1.081.906.566</b>	<b>1.572.328.938</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>957.236.566</b>	<b>1.420.068.028</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2 Phải trả người bán	312	VII.2.4	735.173.404	565.952.396
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.2.5	809.209	809.209
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7.	54.912.913	2.030.728
5 Phải trả người lao động	315		-	77.085.155
7 Phải trả nội bộ	317	VII.2.6	103.649.855	308.885.694
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.8.	42.675.531	462.936.360
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20.015.654	2.368.486
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>124.670.000</b>	<b>152.260.910</b>
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		124.670.000	103.170.000
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	49.090.910
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400=410+430)	<b>400</b>		<b>14.549.463.498</b>	<b>13.409.979.821</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.9.	<b>14.549.463.498</b>	<b>13.409.979.821</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		14.341.599.713	13.167.933.011
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	5.224.810
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	9.823.934
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.037.819	27.172.100
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		199.825.966	199.825.966
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>15.631.370.064</b>	<b>14.982.308.759</b>

Phú Thọ, ngày 21 tháng 3 năm 2012  
**CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





**Đỗ Thị Bích Lan**

**Đỗ Thị Bích Lan**

**Trịnh Quốc Long**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.10.	15.239.060.793	13.556.431.823
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.11.	3.502.261	9.983.741
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.12.	15.235.558.532	13.546.448.082
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.13.	13.780.766.819	12.007.253.220
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.454.791.713	1.539.194.862
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14.	176.441.904	97.590.193
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.7	1.624.195.792	1.768.484.208
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		7.037.825	(131.699.153)
11 Thu nhập khác	31	VII.2.8	1.000.000	158.871.773
12 Chi phí khác	32		6	520
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		999.994	158.871.253
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.037.819	27.172.100
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.037.819	27.172.100

Phú Thọ, ngày 21 tháng 3 năm 2012

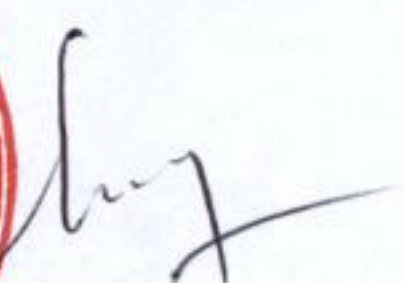
CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc



Đỗ Thị Bích Lan

Đỗ Thị Bích Lan

Trịnh Quốc Long

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Mẫu B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1		16.931.632.561	10.795.371.025
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(11.468.710.579)	(6.946.456.109)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.223.553.579)	(1.215.063.295)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.817.513.646	2.040.681.839
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(349.293.406)	(4.439.776.435)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.707.588.643</b>	<b>234.757.025</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.667.059.222)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		176.441.904	78.400.640
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.490.617.318)</b>	<b>78.400.640</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.216.971.325</b>	<b>313.157.665</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		947.869.449	634.711.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.164.840.774</b>	<b>947.869.449</b>

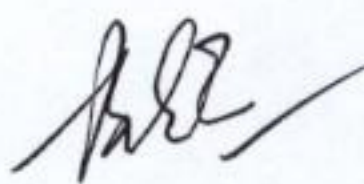
Phú Thọ, ngày 21 tháng 3 năm 2012

**CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**

Người lập

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Đỗ Thị Bích Lan

Đỗ Thị Bích Lan

Trịnh Quốc Long

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2011

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1008/QĐ - HĐQT ngày 27 tháng 06 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Giấy Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1816000013 ngày 01 tháng 07 năm 2005 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty được sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi ba lần Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị kinh tế trực thuộc doanh nghiệp Nhà nước về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi trụ sở giao dịch đồng thời thay đổi Mã số chi nhánh thành 2600357502-003.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh : Vận tải hàng hóa và chế biến lâm sản

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng cây nguyên liệu giấy;
- Thu mua nguyên liệu giấy; gỗ Công nghiệp khác; đại lý giới thiệu sản phẩm;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, vật tư, máy móc thiết bị thi công) đường bộ, đường thủy, đường sắt;
- Bốc xếp hàng hóa (nguyên nhiên liệu, phế thải)
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính.

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**  
( tiếp theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá hàng xuất kho:* Theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**  
( tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định hữu hình</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính, đã khấu hao hết.

**4. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguồn vốn đầu tư XDCB của Công ty được ghi nhận khi ngân sách hoặc đơn vị cấp trên cấp vốn đầu tư XDCB.
- Lợi nhuận sau thuế là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ sản xuất kinh doanh chưa trừ đi chi phí thuế TNDN hiện hành.

**5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

**6. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**6.1. Nguyên tắc xác định các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

*(Các Thuyết minh này là một hệ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)*

**Mẫu B 09-DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**  
*(tiếp theo)*

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**6.2 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện kê khai và nộp cho Cơ quan Thuế tại Tổng Công ty Giấy Việt Nam.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho Cơ quan Thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

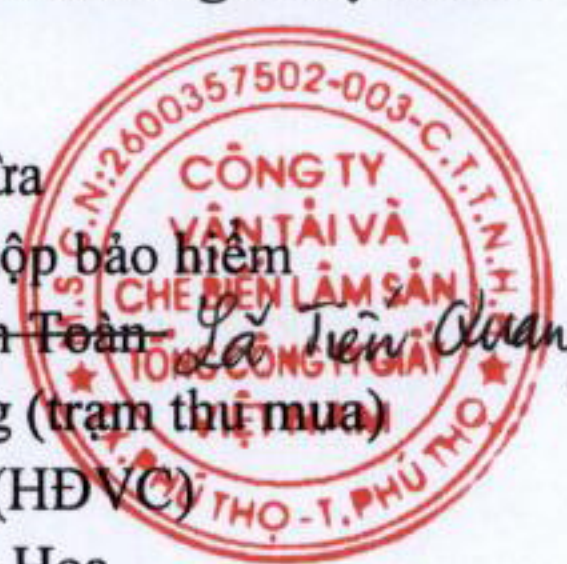
1. Tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	248.751.654	37.069.625
Tiền gửi ngân hàng	715.684.087	377.454.013
-Ngân hàng Nông nghiệp Phù Ninh	700.195.235	364.845.165
-Ngân hàng Công thương Thị xã Phú Thọ	15.488.852	12.608.848
<b>Cộng</b>	<b>964.435.741</b>	<b>414.523.638</b>

2. Các khoản tương đương tiền	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Phú Thọ.	3.200.405.033	533.345.811
<b>Cộng</b>	<b>3.200.405.033</b>	<b>533.345.811</b>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
BHXH nộp thừa	11.130.760	1.745.095
Phải thu tiền nộp bảo hiểm	19.768.155	14.466.015
<del>Nguyễn Khánh Toàn</del> <i>Lã Tiến Quang (TTM)</i>	600.590.533	3.851.614.619
Lã Tiến Quang (trạm thu mua)	25.188.300	294.864.943
Vũ Văn Vinh (HĐVC)	17.000.075	17.000.075
Đặng Thị Kim Hoa	20.239.908	-
Đặng Thị Thảo - XX kê	2.563.548	-
Tổ nhật mẫu - TTM	10.144.798	-
Trần Văn Chuyên	14.718.148	-
<b>Cộng</b>	<b>721.344.225</b>	<b>4.179.690.747</b>

4. Hàng tồn kho	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	114.960.606	185.266.179
Thành phẩm	2.358.021	19.843.790
Hàng hoá	158.208.193	297.848.024
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>275.526.820</b>	<b>502.957.993</b>

5. Tài sản cố định vô hình		
Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán, nguyên giá 10.000.000 VND, đã khấu hao hết.		



**CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**

Phố Phú Hà, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ

Tel: 0210 3 713 941 Fax: 0210 3 713 964

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính 2011

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	Cộng
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2011	✓ 6.548.659.549	✓ 1.628.500.975	961.248.624	13.172.728	-	-	9.151.581.876	
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	-	
Tặng khác	52.027.438	-	3.948.497.921	-	-	1.654.394.761	5.654.920.120	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	48.514.000	-	-	-	-	-	48.514.000	
Giảm khác	722.000.000	840.000.000	-	-	-	-	1.562.000.000	
Số dư ngày 31/12/2011	5.830.172.987	788.500.975	4.909.746.545	13.172.728	1.654.394.761	-	13.195.987.996	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2011	453.750.214	776.447.943	820.623.624	12.294.520	-	-	2.063.116.301	
Khấu hao trong năm	143.642.007	8.227.272	2.655.744.654	878.208	66.545.751	-	2.875.037.892	
Tặng khác	-	-	-	-	-	107.800.016	107.800.016	
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	48.514.000	-	-	-	-	-	48.514.000	
Giảm khác	93.800.016	14.000.000	-	-	-	-	107.800.016	
Số dư ngày 31/12/2011	455.078.205	770.675.215	3.476.368.278	13.172.728	174.345.767	-	4.889.640.193	
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01/01/2011	6.094.909.335	852.053.032	140.625.000	878.208	-	-	7.088.465.575	
Tại ngày 31/12/2011	5.375.094.782	17.825.760	1.433.378.267	-	1.480.048.994	-	8.306.347.803	

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2011 VND	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2011 VND
Thuế GTGT đầu ra	-	1.518.647.378	1.463.788.996	54.858.382
Thuế thu nhập cá nhân	2.030.728	2.531.461	4.507.658	54.531
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	98.083.600	98.083.600	-
Thuế môn bài	-	1.000.000	1.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.030.728</b>	<b>1.620.262.439</b>	<b>1.567.380.254</b>	<b>54.912.913</b>

**8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	5.675.531	7.500.255
Nguyễn Văn Bình	10.000.000	10.000.000
Nguyễn Thị Lý	-	418.436.105
Công ty KEANGNAN	27.000.000	27.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.675.531</b>	<b>462.936.360</b>

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

9. **Vốn chủ sở hữu**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>12.617.933.011</b>	<b>5.224.810</b>	<b>9.823.934</b>	<b>26.291.917</b>	<b>199.825.966</b>	<b>12.859.099.638</b>
- Tăng vốn do nhận bằng tài sản	550.000.000	-	-	-	-	550.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	27.172.100	-	27.172.100
- Chuyển về Tổng Cty	-	-	-	(26.291.917)	-	(26.291.917)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>13.167.933.011</b>	<b>5.224.810</b>	<b>9.823.934</b>	<b>27.172.100</b>	<b>199.825.966</b>	<b>13.409.979.821</b>
- Tăng vốn do nhận bằng tài sản	1.173.666.702	-	-	-	-	1.173.666.702
- Lãi trong năm nay	-	-	-	8.037.819	-	8.037.819
- Chuyển về Tổng Cty	-	(5.224.810)	(9.823.934)	(27.172.100)	-	(42.220.844)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>14.341.599.713</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.037.819</b>	<b>199.825.966</b>	<b>14.549.463.498</b>
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>						
- Vốn góp của Nhà nước						
- Vốn góp của các đối tượng khác						
<b>Cộng</b>						
					31/12/2011	01/01/2011
					VND	VND
					14.341.599.713	13.167.933.011
					-	-
					<b>14.341.599.713</b>	<b>13.167.933.011</b>

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

(tiếp theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**10. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.465.159.479	3.090.952.168
Doanh thu bán lâm sản	6.461.873.730	6.064.537.141
Doanh thu bán giấy	1.692.524.360	1.399.071.624
Doanh thu bán vớ	619.503.224	3.001.870.890
<b>Cộng</b>	<b>15.239.060.793</b>	<b>13.556.431.823</b>

**11. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chiết khấu thương mại	3.502.261	9.983.741
<b>Cộng</b>	<b>3.502.261</b>	<b>9.983.741</b>

**12. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	6.465.159.479	3.090.952.168
Doanh thu thuần về bán lâm sản	6.461.873.730	6.054.553.400
Doanh thu thuần về bán giấy	1.692.524.360	1.399.071.624
Doanh thu thuần về bán vớ	616.000.963	3.001.870.890
<b>Cộng</b>	<b>15.235.558.532</b>	<b>13.546.448.082</b>

**13. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.776.948.733	3.744.491.489
Giá vốn bán lâm sản	5.952.180.373	4.662.545.561
Giá vốn bán giấy	1.636.456.215	1.320.233.681
Giá vốn bán vớ	415.181.498	2.279.982.489
<b>Cộng</b>	<b>13.780.766.819</b>	<b>12.007.253.220</b>

**14. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	176.441.904	97.590.193
<b>Cộng</b>	<b>176.441.904</b>	<b>97.590.193</b>

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**VII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>Năm 2011 VND</u>	<u>Năm 2010 VND</u>
<b>Doanh thu</b>			
Bán hàng cho Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Cơ quan chủ quản	11.695.161.847	6.294.036.002
Bán hàng cho CT Chế biến và XNK Dăm Mảnh	Đơn vị cùng TCTy	608.543.480	2.133.879.750
<b>Mua hàng</b>			
Mua hàng của Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Cơ quan chủ quản	1.437.618.000	951.683.500
Mua hàng của CT Giấy Tissue Sông Đuống	Đơn vị cùng TCTy	40.544.297	99.672.876

**1.2 Số dư với các bên liên quan**

	<u>Quan hệ với Công ty</u>	<u>31/12/2011 VND</u>	<u>01/01/2011 VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>			
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Cơ quan chủ quản	818.820.199	718.493.730
Công ty Chế biến và XNK Dăm Mảnh	Đơn vị cùng TCTy	-	320.162.700
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Đơn vị cùng TCTy	-	5.122.551
<b>Cộng</b>		<b>818.820.199</b>	<b>1.043.778.981</b>
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty Lâm nghiệp Tân Phong	Đơn vị cùng TCTy	64.149.855	118.349.855
Công ty Lâm nghiệp Đoàn Hùng	Đơn vị cùng TCTy	39.500.000	89.500.000
Công ty Lâm nghiệp Tam Thắng		-	101.035.839
<b>Cộng</b>		<b>103.649.855</b>	<b>308.885.694</b>

**2. Những thông tin khác**

**2.1 Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2011 VND</u>	<u>01/01/2011 VND</u>
Công ty Cổ phần Công đoàn Trần Văn Chuyên	93.042.740	93.042.740
Công ty TNHH Hoàng Nam	105.795.097	105.795.097
Trường BD Nhà Giáo và QLGD Nguyễn Văn Lự	762.716.652	869.000.000
Xưởng sửa chữa ô tô Phù Ninh	-	1.170.000
Trần Đức Thịnh	13.600.000	13.600.000
Công ty TNHH Thanh Chương	-	34.100.000
Nguyễn Khánh Toàn	117.330.929	79.528.203
	3.306.400	3.306.400
	184.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.280.591.818</b>	<b>1.199.542.440</b>

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

<b>2.2 Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	818.820.199	718.493.730
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	-	5.122.551
Công ty Chế biến và XNK Dăm Mảnh Quảng Ninh	-	320.162.700
<b>Cộng</b>	<b>818.820.199</b>	<b>1.043.778.981</b>
<b>2.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tạm ứng</b>		
Trần Văn Chuyển	6.611.000	6.611.000
Vũ Thị Sinh	-	2.000.000
Dương Tuấn Vũ	4.700.000	4.700.000
Lương Gia Thế	29.155.000	20.000.000
Lê Văn Trung	15.310.000	-
<b>Cộng</b>	<b>55.776.000</b>	<b>33.311.000</b>
<b>2.4 Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cty TNHH TM Tân Hoàng Hưng	10.500.000	10.500.000
CT CP DV Kỹ thuật tổng hợp CVP	371.934.448	242.688.600
CT CP Thương mại TH Quang Vinh	-	82.504.093
Doanh nghiệp tư nhân Việt Anh	352.738.956	156.854.388
Công ty CP TM Lương Sơn	-	73.405.315
<b>Cộng</b>	<b>735.173.404</b>	<b>565.952.396</b>
<b>2.5 Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Linh Hồng	809.209	809.209
<b>Cộng</b>	<b>809.209</b>	<b>809.209</b>
<b>2.6 Phải trả nội bộ</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Lâm nghiệp Tân Phong	64.149.855	118.349.855
Công ty Lâm nghiệp Đoan Hùng	39.500.000	89.500.000
Công ty Lâm nghiệp Tam Thắng	-	101.035.839
<b>Cộng</b>	<b>103.649.855</b>	<b>308.885.694</b>

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không tách rời với Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

(tiếp theo)

**2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	983.843.332	1.150.001.790
Chi phí vật liệu quản lý	121.145.322	125.133.022
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.370.454	18.183.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	91.898.379	41.358.332
Thuế, phí và lệ phí	99.083.600	93.648.160
Chi phí dự phòng	21.500.000	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.976.515	46.348.439
Chi phí bằng tiền khác	237.378.190	273.811.108
<b>Cộng</b>	<b>1.624.195.792</b>	<b>1.768.484.208</b>

**2.8 Thu nhập khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu bán giấy lê	-	4.090.905
Thu bồi thường	-	3.000.000
Cho thuê địa điểm	-	151.780.868
Thu nhập khác	1.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>158.871.773</b>

**3 Thông tin về số liệu đầu kỳ**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Vận tải và Chế biến lâm sản đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán APEC.

Phú Thọ, ngày 21 tháng 3 năm 2012

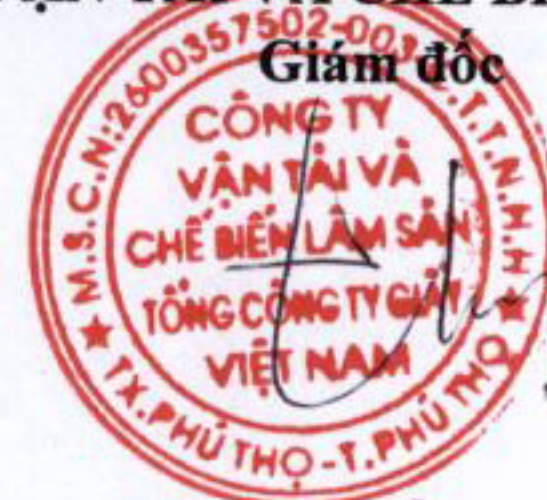
**CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**

Người lập

**Đỗ Thị Bích Lan**

Phụ trách kế toán

**Đỗ Thị Bích Lan**



**Trịnh Quốc Long**



